

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày	600 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-14.3%	-33.3%	-50.0%

Hệ số nguy cơ phá sản	-0.19
Z - score (sản xuất)	(Caa2)
2023	Nguy hiểm

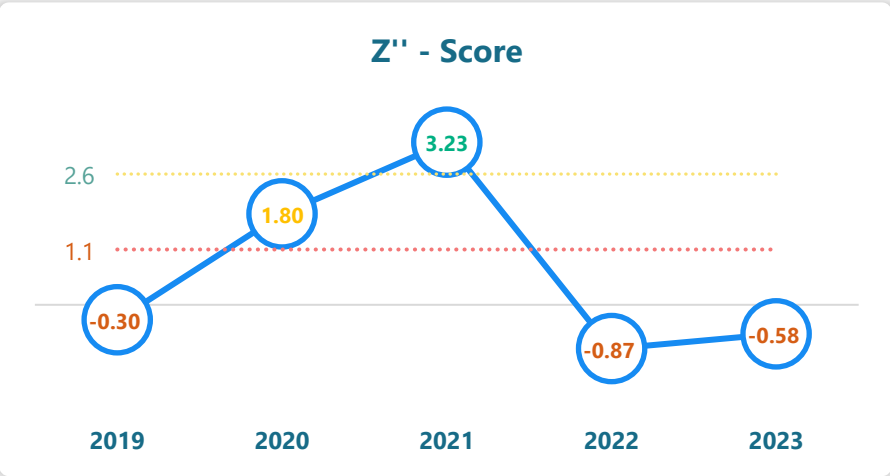
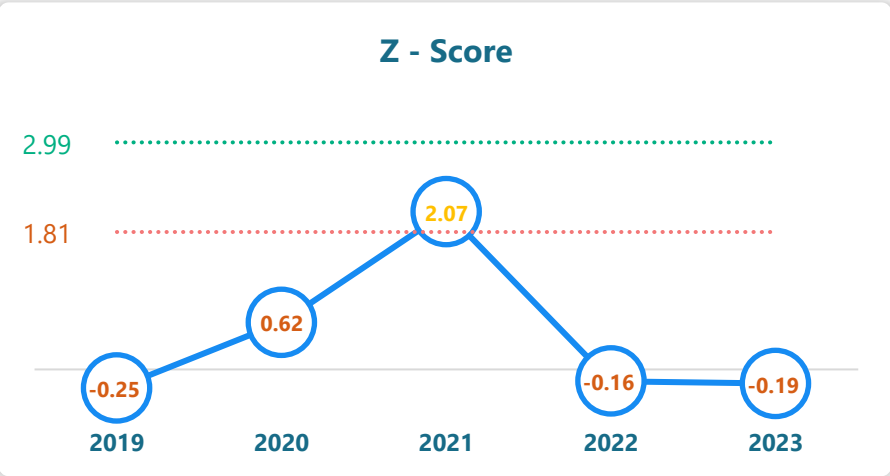
Hệ số nguy cơ phá sản	-0.58
Z'' - score (phi sản xuất)	(Caa2)
2023	Nguy hiểm

DT thuần	2023	YoY
0		▼ 176
tỷ VNĐ		▼ 100%

LN sau thuế	2023	YoY
-12.5		▲ 106
tỷ VNĐ		▲ 89.4%

ROE	2023	+/- YoY
-2.3%		▲ 16.2%

ROA	2023	+/- YoY
-1.2%		▲ 9.7%



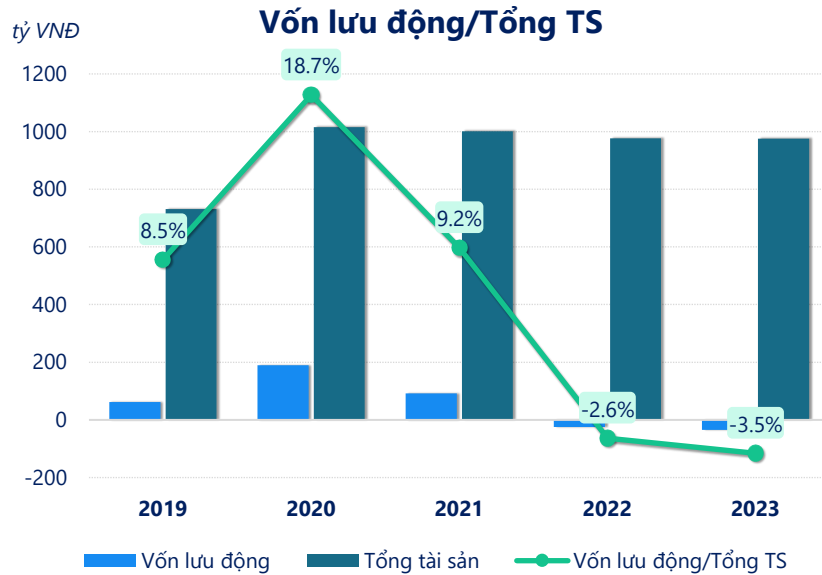
Xét với doanh nghiệp sản xuất: **Z-Score** của **BII** năm **2023** đạt **-0.19**, thấp hơn so với năm 2022 (-0.16). **Z-Score** < **1.81**, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng nguy hiểm, nguy cơ phá sản cao.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: **Z''-Score** của **BII** năm **2023** đạt **-0.58**, cao hơn so với năm 2022 (-0.87). **Z''-Score** < **1.1**, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng nguy hiểm, nguy cơ phá sản cao.

Năm **2023**, **BII** ghi nhận doanh thu thuần **0.00** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-12.51** tỷ đồng, lần lượt **giảm 100.0%** và **tăng 89.4%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -2.35% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

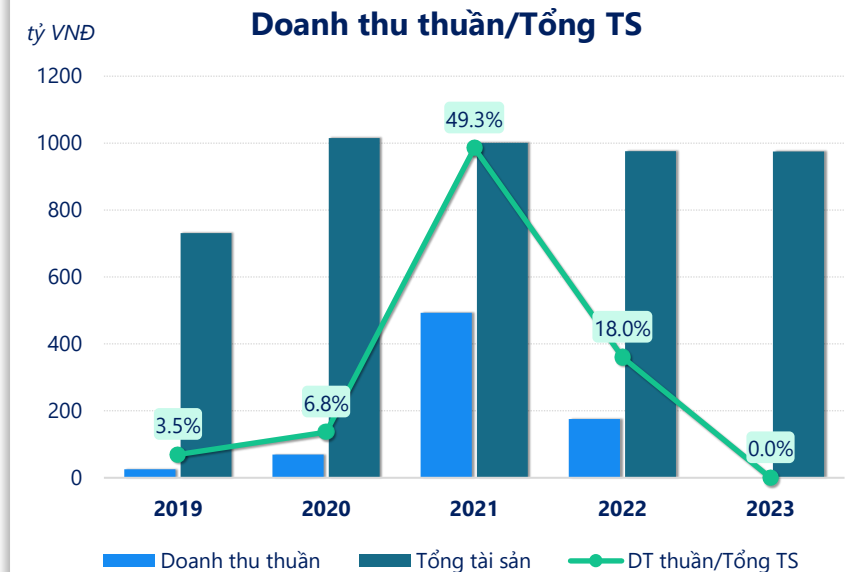
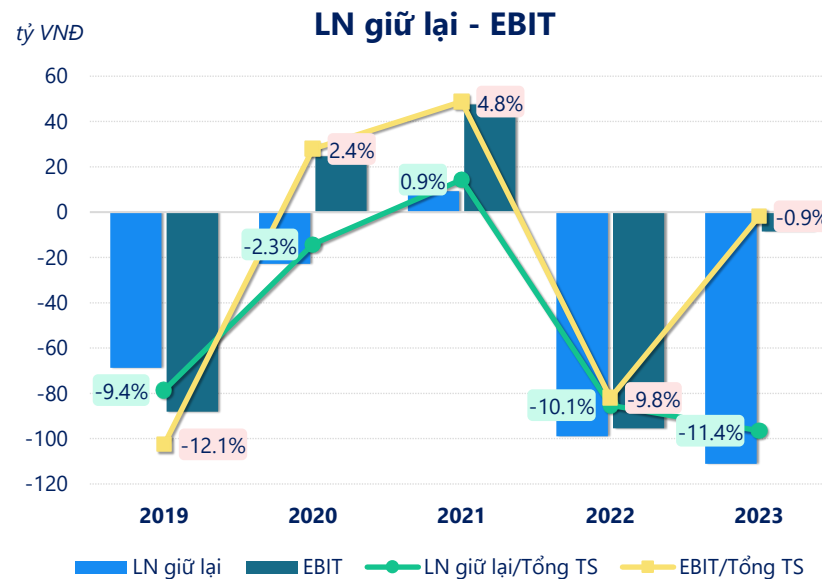
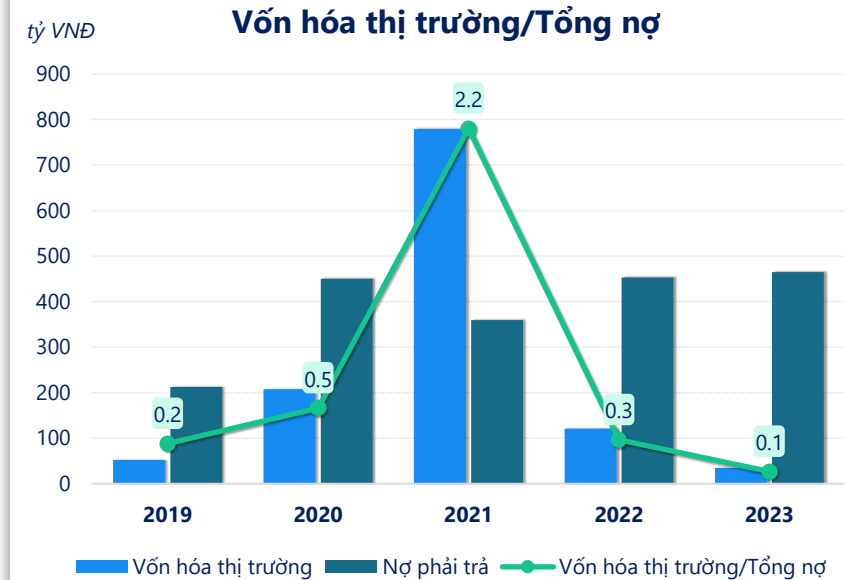
CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (UPCOM: BII)



Vốn lưu động < 0 và **giảm** so với năm trước là một dấu hiệu đáng lo ngại về thanh khoản và tài chính của công ty. Có thể công ty đang gặp phải tình hình tài chính không ổn định. Công ty cần có sự quản lý tài chính hiệu quả, tái cấu trúc và tăng cường vốn lưu động.

Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ dưới 1 có thể cho thấy công ty đang gặp phải một số thách thức trong việc tạo ra giá trị cho cổ đông hoặc chưa thực sự quản lý nợ một cách hiệu quả.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	975	976	-0.1%
Tài sản ngắn hạn	412	412	0.2%
Tiền và tương đương tiền	0.25	0.29	-12.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	398	397	0.2%
Hàng tồn kho	11.3	11.3	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.10	3.01	2.9%
Tài sản dài hạn	563	565	-0.3%
Phải thu dài hạn	20.2	20.2	0.0%
Tài sản cố định	368	370	-0.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	156	156	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.38	3.38	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.01	0	
Lợi thế thương mại	14.7	14.7	0.0%
Nợ phải trả	465	453	2.6%
Nợ ngắn hạn	447	436	2.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	98.1	98.1	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	43.1	43.0	0.2%
Nợ dài hạn	18.1	16.5	9.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	511	523	-2.4%
Vốn chủ sở hữu	511	523	-2.4%
Vốn điều lệ	577	577	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	25.5	69.4	493	176	0
Giá vốn hàng bán	16.8	68.3	488	176	0
Lợi nhuận gộp	8.72	1.08	4.77	0.20	0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	86.4	1.29	0.00
Chi phí TC	9.79	9.85	56.8	22.7	5.75
Chi phí lãi vay	9.79	9.85	11.9	9.43	4.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.20	0	1.15	1.08	0
Chi phí QLDN	92.6	-26.4	8.14	74.0	6.76
LN thuần từ HĐKD	-93.8	17.7	25.1	-96.3	-12.5
Lợi nhuận khác	-4.11	-2.84	10.6	-8.64	0
LN trước thuế	-97.9	14.8	35.7	-105	-12.5
Lợi nhuận sau thuế	-97.9	14.8	32.6	-118	-12.5
LNST của CĐ cty mẹ	-97.1	15.3	32.1	-108	-12.1

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.72	59.1	-101	42.9	0.17
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.32	-38.8	76.7	-28.9	-0.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.42	-18.8	22.6	-14.6	0
Tiền đầu kỳ	2.12	1.09	2.58	0.96	0.29
Lưu chuyển tiền thuần	-1.02	1.49	-1.62	-0.67	-0.03
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.09	2.58	0.96	0.29	0.25